



NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, THU NHẬP VÀ TIÊU THỤ ĐẬU ĐEN XANH LÒNG TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

Trịnh Thị Sen*, Hoàng Gia Hùng

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Trịnh Thị Sen <trinhthisen@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 29-3-2025; Ngày chấp nhận đăng: 29-4-2025)

Tóm tắt. Nghiên cứu đã tiến hành điều tra 180 nông hộ trồng đậu đen xanh lòng tại ba huyện thuộc tỉnh Quảng Trị nhằm đánh giá được tình hình sản xuất, thu nhập và tiêu thụ đậu đen xanh lòng trên địa bàn nghiên cứu để xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và thực tiễn phát triển đối tượng cây trồng này hiệu quả hơn. Mẫu phiếu điều tra về sản xuất, thu nhập và tiêu thụ đậu đen xanh lòng được nhóm nghiên cứu thiết kế sẵn. Sau đó, thực hiện điều tra bằng phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và sơ cấp. Sử dụng phương pháp tham vấn để phỏng vấn sâu cán bộ chuyên môn có am hiểu và kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu. Kết quả điều tra cho thấy diện tích, năng suất và sản lượng trồng đậu đen xanh lòng đạt ở mức thấp đến cao và không đồng đều giữa các hộ và các vùng trồng đậu; Tình hình sâu bệnh hại ở mức nhẹ và trung bình. Thu nhập của các hộ đạt ở mức trung bình và không ổn định. Tiêu thụ phụ thuộc lớn vào thương lái và giá bán bấp bênh. Sản xuất đậu đen xanh lòng tuy có những điều kiện thuận lợi nhưng vẫn tồn tại nhiều khó khăn như thị trường đầu ra không ổn định, sâu bệnh nhiều và thường bị thương lái ép giá.

Từ khóa: đậu đen xanh lòng, sản xuất, thu nhập và tiêu thụ

Study on production, income and consumption of green black beans in Quang Tri province

Trịnh Thị Sen*, Hoang Gia Hung

University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Trinh Thi Sen <trinhthisen@hueuni.edu.vn>

(Submitted: March 29, 2025; Accepted: April 29, 2025)

Abstract. The study was conducted to investigate 180 farming households in 03 districts growing green black beans in Quang Tri province to evaluate the production, income and consumption of green black beans in the study area in order to build a basis scientific and practical database to develop this plant more appropriately and effectively. The survey form on production, income and consumption of green black beans was designed by the research team. Then conduct an investigation using secondary and primary data

collection methods. The consultation method was used to conduct in-depth interviews with professional staff knowledgeable and experienced in the field of the research. The survey results showed that the area, yield and productivity of green black bean cultivation achieved from low to high and uneven among the households and regions; The pest and disease situation was mild to moderate. The income was average and unstable. The consumption depends mainly on traders and selling prices are unstable. Although green black bean production had some advantages, but there were many difficulties such as an unstable output market, many pests, and price pressure from traders.

Keywords: green black beans, production, income and consumption

1 Đặt vấn đề

Đậu đen (*Vigna cylindrica* (L.) Skeels) là cây hoa màu có giá trị kinh tế cao và là đối tượng cây được lựa chọn chuyển đổi cho các cây trồng kém hiệu quả kinh tế tại tỉnh Quảng Trị. Hạt đậu đen xanh lòng làm thực phẩm cho con người, thức ăn cho gia súc, làm thuốc chữa bệnh và còn là loại cây trồng giúp cải tạo đất [1]. Trong hạt đậu đen có chứa nhiều vitamin, protein, glucit, lipid, muối khoáng... Hàm lượng axit amin cần thiết trong đậu đen rất cao gồm lysin, metionin, tryptophan, phenylalanin, alanin, valin, leucin... do đó đậu đen được xem như một loại thuốc bổ [2]. Trong đậu đen còn một nhóm chất rất quan trọng tạo màu sắc đỏ tím cho lớp vỏ ngoài được gọi là anthocyanin, đây là nhóm chất có tác dụng kháng oxy hóa rất cao, giúp tăng cường sức đề kháng cho cơ thể, chống ung thư, kéo dài tuổi thọ, chống lão hóa [3].

Mặc dù đậu đen chưa được xếp vào đối tượng cây trồng chủ lực tại Việt Nam nhưng là cây trồng được quan tâm trong tiến trình thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang phát triển sản xuất các loại cây trồng cạn (theo Quyết định số 3367/QĐ-BNN-TT ngày 31/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) [4]. Tại tỉnh Quảng Trị, dự án biến đổi khí hậu do Đại sứ quán Phần Lan tài trợ, đã xây dựng mô hình trồng đậu đen thích ứng với biến đổi khí hậu tại xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Dự án bước đầu đã xác định được cây đậu đen là cây trồng chủ lực trong vụ Hè Thu và Ủy ban nhân dân xã Triệu Vân đã đưa vào nghị quyết nhân rộng cây đậu đen ra gần 40 ha từ năm 2013 [5].

Đậu đen xanh lòng được trồng nhiều ở tỉnh Quảng Trị do đặc điểm sinh thái và khí hậu cũng như điều kiện thổ nhưỡng phù hợp cho đối tượng cây trồng này. Người dân ở Quảng Trị nói chung và ở các huyện Đakrông, Vĩnh Linh và Triệu Phong nói riêng người dân trồng nhiều loại đậu, trong đó, đậu đen được trồng phổ biến. Đậu đen xanh lòng Quảng Trị nổi tiếng với chất lượng thơm ngon, hình thái hạt rất đặc trưng như vỏ có màu đen óng mượt, ruột hạt có màu xanh lòng đặc trưng. Hơn nữa, người dân Quảng Trị cần cù, chịu khó, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đối với các loại cây họ đậu và họ sẵn sàng tiếp cận tiến bộ kỹ thuật mới. Tuy nhiên, muốn phát triển cây đậu đen xanh lòng với tiềm năng vốn có của nó và hướng tới phát triển vùng nguyên liệu an toàn theo chủ trương của tỉnh nhà thì cần có một cơ sở dữ liệu thực tiễn về đối tượng cây trồng này. Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu tình hình sản xuất, thu

nhập và tiêu thụ là những cơ sở thực tiễn quan trọng làm tiền đề xây dựng các giải pháp phát triển cây đậu đen xanh lòng bền vững tại tỉnh Quảng Trị trong thời gian tới.

2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Các cơ quan ban ngành liên quan như Ủy ban nhân dân các xã, phòng Nông nghiệp của các huyện, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường). Các hộ trồng đậu đen xanh lòng ở các xã tại ba huyện sản xuất đậu đen xanh lòng phổ biến của tỉnh Quảng Trị.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 1/2024 đến 12/2024 tại 03 huyện trồng đậu đen xanh lòng phổ biến của tỉnh Quảng Trị, gồm huyện Đakrông, Vĩnh Linh và Triệu Phong.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp xây dựng bộ phiếu điều tra: Làm việc nhóm để xây dựng phiếu điều tra thể hiện đầy đủ các nội dung, thông tin và chỉ tiêu về thực trạng sản xuất, thu nhập và tiêu thụ đậu đen xanh lòng. Phiếu điều tra bao gồm các chỉ tiêu chính sau:

- Tình hình sản xuất đậu đen xanh lòng (diện tích, năng suất, sản lượng, sâu bệnh hại, kinh nghiệm sản xuất).

- Tình hình thu nhập, tiêu thụ, bảo quản và chế biến đậu đen xanh lòng.

- Thuận lợi và khó khăn trong sản xuất đậu đen xanh lòng.

Phương pháp điều tra:

- Phương pháp thu thập số liệu.

- + Số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp gồm diện tích, năng suất, sản lượng của cây đậu đen xanh lòng tại địa bàn nghiên cứu; định hướng phát triển cây đậu đen xanh lòng của tỉnh, huyện. Các số liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan quản lý trồng trọt ở các huyện và tỉnh.

- + Số liệu sơ cấp: Sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp để phỏng vấn nông hộ bằng phiếu điều tra để khảo sát hiện trạng đã được chuẩn bị sẵn. Số liệu phiếu điều tra là 60 phiếu/huyện, tổng số phiếu điều tra là 180 phiếu.

- Phương pháp tham vấn: Phỏng vấn sâu các cán bộ chuyên môn am hiểu và có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu.

- Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu thu thập và điều tra được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

3 Kết quả điều tra và thảo luận

3.1 Tình hình sản xuất đậu đen xanh lòng tại tỉnh Quảng Trị

Diện tích, năng suất và sản lượng đậu đen xanh lòng tại tỉnh Quảng Trị

Kết quả tính trung bình về diện tích trồng đậu đen xanh lòng của một hộ cho thấy, huyện Đakrông có diện tích trồng đậu đen xanh lòng ở quy mô nông hộ đạt cao nhất (0,34 ha/hộ), tiếp theo là huyện Vĩnh Linh (0,17 ha/hộ) và huyện Triệu Phong có diện tích trồng đậu đen xanh lòng đạt thấp nhất, chỉ đạt trung bình là 0,09 ha/hộ. Năng suất đậu đen xanh lòng đạt cao nhất ở huyện Đakrông, với 13,07 tạ/ha, tiếp đến là huyện Vĩnh Linh đạt 11,6 tạ/ha, thấp nhất là huyện Triệu Phong, năng suất đậu đen xanh lòng chỉ đạt 9,12 tạ/ha. Đakrông là huyện có điều kiện đất đai và tiểu khí hậu thuận lợi, chất đất phù sa được bồi hàng năm nên có độ phì nhiêu cao kết hợp với khí hậu ôn hòa hơn nên đậu đen xanh lòng đạt năng suất cao hơn so với các huyện khác. Hơn nữa, người dân ở đây có sự quan tâm và đầu tư trồng đậu đen xanh lòng nên năng suất và chất lượng thương phẩm đậu đen xanh lòng ở huyện Đakrông là nổi trội nhất ở tỉnh Quảng Trị. Nghiên cứu ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ và mật độ trồng đến sinh trưởng và năng suất của đậu đen xanh lòng tại huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị của Trịnh Thị Sen và cs. cho thấy năng suất đậu đen xanh lòng tại đạt 12,55 tạ/ha. Như vậy, kết quả điều tra năng suất từ các hộ sản xuất đậu đen xanh lòng là tương đồng với kết quả nghiên cứu thực nghiệm [1]. Xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh, ngoài trồng đậu xanh tằm, người dân cũng trồng đậu đen xanh lòng. Xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong, do đầu ra không ổn định, giá bán thấp và bấp bênh, chưa có hợp tác xã (HTX) tiêu thụ để chế biến sản phẩm. Hơn nữa, người dân chú trọng vào ngư nghiệp, đánh bắt thủy, hải sản có nguồn thu nhập ổn định và hiệu quả kinh tế cao hơn, không hoặc rất chú trọng trồng và phát triển đậu đen xanh lòng. Do đó, diện tích, năng suất cũng như sản lượng đậu đen xanh lòng đạt thấp hơn so với các địa phương khác. Tuy nhiên, theo báo cáo của phòng Nông nghiệp huyện Triệu Phong năm 2023 cho biết, diện tích trồng đậu đen xanh lòng có hướng

Bảng 1. Diện tích, năng suất và sản lượng đậu đen xanh lòng tại các hộ điều tra

TT	Chỉ tiêu	Huyện					
		Vĩnh Linh		Đakrông		Triệu Phong	
		Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Diện tích (ha)	0,17	0,21	0,34	0,24	0,09	0,03
2	Năng suất (tạ/ha)	11,6	2,48	13,07	0,81	9,12	6,29
3	Sản lượng (tấn)	2,00	1,34	4,42	0,98	0,81	2,19

Nguồn: Điều tra hộ nông dân, 2024

phát triển trở lại trên vùng đất cát ven biển xã Triệu Vân, do đậu đen xanh lòng có giá bán cao hơn và ổn định hơn trước [6].

Tình hình sâu bệnh hại đậu đen xanh lòng tại tỉnh Quảng Trị

Kết quả điều tra tình hình sâu bệnh hại của 180 hộ sản xuất đậu đen lòng tại ba huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho thấy tại các vùng trồng đậu đen xanh lòng đều có các đối tượng sâu bệnh hại như sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ phấn trắng, bệnh gỉ sắt, lở cổ rễ và vàng lá. Ngoài ra, còn có bọ trĩ và rầy nâu nhưng chỉ gây hại với tỷ lệ rất thấp, không ảnh hưởng đến sinh trưởng và năng suất đậu đen xanh lòng. Trong ba huyện điều tra, Đakrông là huyện có tỷ lệ sâu và bệnh hại gây hại lớn nhất, hầu hết các loại sâu bệnh hại ở mức trung bình (++), riêng bệnh lở cổ rễ là bị hại nặng (+++). Báo cáo về tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện Đakrông năm 2023 cũng đã kết luận rằng sâu bệnh hại, đặc biệt là các loại bệnh như lở cổ rễ, vàng lá, gỉ sắt... là một trong những khó khăn lớn nhất trong sản xuất đậu đen xanh lòng mà nông dân đang gặp phải [7]. Huyện đang lên kế hoạch tập huấn kỹ thuật trồng và quản lý sâu bệnh hại đậu đen xanh lòng cho người dân địa phương trong quý 4 năm 2025. Kết quả nghiên cứu về tình hình sâu bệnh hại ở các công thức bón phân hữu cơ và mật độ trồng khác nhau của Trịnh Thị Sen và cs., 2023 cũng chỉ ra rằng lở cổ rễ là bệnh có mức độ gây hại cao nhất trên cây đậu đen xanh lòng. Như vậy, kết quả nghiên cứu điều tra của chúng tôi là có tương đồng với hai nghiên cứu trên [1]. Huyện Vĩnh Linh và Triệu Phong cũng có các loại sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ phấn trắng và bệnh gỉ sắt, lở cổ rễ và vàng lá gây hại nhưng đều gây hại ở mức nhẹ (+). Kết quả phỏng vấn sâu các cán bộ phụ trách nông nghiệp về tình hình sâu bệnh hại đậu đen xanh lòng cũng cho kết quả tương tự như kết quả điều tra nông hộ. Đối chiếu với Bảng 7 ở mục 3.4. Khó khăn trong sản xuất đậu đen xanh lòng tại điểm nghiên cứu cũng cho kết quả về tăng suất xuất hiện sâu bệnh hại ở huyện Đakrông là cao nhất, tiếp đến là huyện Vĩnh Linh và ít nhất là huyện Triệu Phong.

Bảng 2. Tình hình sâu bệnh hại đậu đen xanh lòng

Huyện	Sâu hại			Bệnh hại		
	Sâu cuốn lá	Sâu đục quả	Bọ phấn trắng	Gỉ sắt	Lở cổ rễ	Vàng lá
Vĩnh Linh	+	+	++	+	++	+
Đakrông	++	++	++	++	+++	+
Triệu Phong	+	+	+	+	++	+

Nguồn: Điều tra nông hộ, 2024

Ghi chú: +: hại nhẹ, ++ hại trung bình, +++ nặng

Kinh nghiệm sản xuất đậu đen xanh lòng của các hộ điều tra tại tỉnh Quảng Trị

Kết quả của Bảng 3 cho thấy, kinh nghiệm sản xuất đậu đen xanh lòng rất đa dạng và có sự khác nhau giữa các huyện điều tra. Huyện Vĩnh Linh, người dân có số năm kinh nghiệm sản xuất đậu đen xanh lòng lâu đời nhất trên 16 năm, chiếm tỉ lệ 57%; từ 9–15 năm chiếm từ 12,1–18,2%, từ 3–8 năm chiếm tỷ lệ rất thấp (3,0–6,1%). Huyện Đakrong, tuy có diện tích trồng đậu đen xanh lòng lớn nhưng các hộ điều tra lại có số năm kinh nghiệm sản xuất chủ yếu từ 6–8 năm chiếm tỷ lệ cao 32,0%, các hộ có kinh nghiệm sản xuất từ 9–15 năm, chiếm tỷ lệ từ 13,6–14,6%. Số hộ có kinh nghiệm sản xuất dưới 3 năm hoặc trên 16 năm chiếm tỷ lệ rất thấp (< 3,9%). Riêng Triệu Phong, các hộ dân số năm sản xuất đậu đen xanh lòng thấp nhất, từ 3–8 năm. Như vậy, người dân ở Quảng Trị đã sản xuất đậu đen xanh lòng từ lâu, cách đây hơn 16 năm.

Bảng 3. Kinh nghiệm sản xuất đậu đen xanh lòng của các hộ điều tra

Địa bàn	Số năm kinh nghiệm (năm)	Tần suất (lần)	Tỷ lệ phần trăm (%)
Đakrong	1–2	5	4,9
	3–5	32	31,1
	6–8	33	32,0
	9–11	14	13,6
	12–15	15	14,6
	16 năm hoặc nhiều hơn	4	3,9
Triệu Phong	3–5	6	60,0
	6–8	4	40,0
Vĩnh Linh	1–2 năm	1	3,0
	3–5	2	6,1
	6–8	1	3,0
	9–11	4	12,1
	12–15	6	18,2
	16 năm hoặc nhiều hơn	19	57,6

Nguồn: Điều tra nông hộ, 2024

3.2 Tình hình thu nhập từ đậu đen xanh lòng tại tỉnh Quảng Trị

Mô tả đặc điểm thu nhập của các hộ trồng đậu đen xanh lòng tại địa bàn nghiên cứu (Bảng 4) cho thấy thu nhập ròng bình quân từ đậu đen xanh lòng của các hộ dân là khoảng 1,70–2,21 triệu đồng/vụ/năm. Trong đó, huyện Đakrông và Vĩnh Linh có giá trị thu nhập trung bình từ đậu đen xanh lòng đạt cao hơn so với huyện Triệu Phong. Huyện Đakrông đạt giá trị lớn nhất từ bán đậu đen xanh lòng (4,0 triệu đồng/vụ/năm). Như vậy, so với thu nhập từ bán các loại nông sản khác, nguồn thu nhập từ đậu đen xanh lòng là cũng đóng góp giá trị lớn vào thu nhập của nông hộ, góp phần ổn định sinh kế. So với huyện Đakrông và huyện Vĩnh Linh thì các nông hộ ở huyện Triệu Phong có thu nhập bình quân từ đậu đen xanh lòng đạt thấp nhất, đạt 1,70 triệu đồng/vụ/năm. Nguyên nhân là do diện tích đất sản xuất của các nông hộ tại huyện Triệu Phong thấp hơn và sự quan tâm sản xuất đậu đen xanh lòng cũng hạn chế so với huyện Đakrông và huyện Vĩnh Linh.

3.3 Tình hình cung ứng và tiêu thụ đậu đen xanh lòng tại tỉnh Quảng Trị

Hiện trạng về phương thức tiêu thụ đậu đen xanh lòng

Kết quả điều tra về các kênh tiêu thụ tại tỉnh Quảng Trị ở Bảng 5 cho thấy, đậu đen xanh lòng được tiêu thụ qua nhiều kênh khác nhau gồm thương lái, chợ địa phương, chợ đầu mối, HTX và các kênh tiêu thụ khác. Tại Vĩnh Linh, đậu đen xanh lòng chủ yếu tiêu thụ qua 03 kênh là thương lái, chợ địa phương và HTX, với các tỷ lệ tương ứng là 33,7%, 32,6% và 32,6%. Tại huyện Đakrong, 02 kênh tiêu thụ chủ yếu là qua thương lái chiếm 54,3 %, và HTX (38,2%),

Bảng 4. Đặc điểm thu nhập của các hộ trồng đậu đen xanh lòng

ĐVT: triệu đồng/vụ/năm					
Thu nhập		Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Đakrông	Thu nhập từ bán đậu đen xanh lòng	1,00	4,00	2,15	0,43
	Thu nhập từ bán các loại nông sản	2,00	14,00	4,44	3,40
	Tổng thu nhập từ tất cả các nguồn	2,00	12,00	4,24	2,91
Triệu Phong	Thu nhập từ bán đậu đen xanh lòng	1,00	2,00	1,70	0,48
	Thu nhập từ bán các loại nông sản	2,00	6,00	3,60	1,34
	Tổng thu nhập từ tất cả các nguồn	2,00	5,00	4,10	0,99
Vĩnh Linh	Thu nhập từ bán đậu đen xanh lòng	2,00	4,00	2,21	0,48
	Thu nhập từ bán các loại nông sản	2,00	6,00	3,39	1,22
	Tổng thu nhập từ tất cả các nguồn	3,00	10,00	5,96	1,77

Nguồn: Điều tra nông hộ, 2024

Bảng 5. Phương thức tiêu thụ đậu đen xanh lòng tại điểm nghiên cứu

Huyện	Nơi tiêu thụ				
	Thương lái (%)	Chợ địa phương (%)	Chợ đầu mối (%)	Hợp tác xã (%)	Khác (%)
Vĩnh Linh	33,7	32,6	1,1	32,6	0,0
Đakrông	54,3	0,0	0,0	38,2	7,5
Triệu Phong	43,8	56,2	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Điều tra nông hộ, 2024

kênh tiêu thụ khác chỉ chiếm tỷ lệ không đáng kể (7,5%). Triệu Phong, đậu đen xanh lòng tiêu thụ chỉ qua kênh thương lái và chợ địa phương, tương ứng với tỷ lệ là 43,8% và 56,2%. Như vậy, tiêu thụ đậu đen xanh lòng ở tỉnh Quảng Trị qua nhiều kênh và kênh tiêu thụ nhiều nhất là thương lái. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến giá bán thấp, do bị thương lái ép giá đầu ra, giá bán không ổn định làm ảnh hưởng đến tâm lý và hiệu quả sản xuất của người dân. Lê Văn Gia Nhỏ (2012) khi phân tích về chiến lược phân phối nông sản hàng hóa đã chỉ ra có 4 kênh tiêu thụ, trong đó kênh tiêu thụ truyền thống ở các vùng nông thôn tập trung ở kênh cấp 2 (có 2 cấp trung gian là nhà bán buôn và nhà bán lẻ) và kênh cấp 3 (có 3 cấp trung gian là đại lý, nhà bán buôn, nhà bán lẻ). Như vậy, kết quả điều tra hiện trạng tiêu thụ đậu đen xanh lòng tại địa bàn nghiên cứu của chúng tôi là phù hợp với phân tích của chuyên gia thị trường [8].

Hiện trạng sau thu hoạch đậu đen xanh lòng

Hạt của các cây họ đậu nói chung và hạt đậu đen xanh lòng nói riêng đều chứa nhiều chất dinh dưỡng, các loại vitamin và axit amin cần thiết. Vì vậy, rất dễ bị sâu mọt trong quá trình bảo quản. Sau kỹ thuật bảo quản, chế biến là kỹ thuật vô cùng quan trọng trong chuỗi sản xuất để nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Kết quả điều tra ở bảng 6 cho thấy có nhiều phương thức bảo quản khác nhau đang được người dân dùng để bảo quản hạt đậu đen xanh lòng bao gồm: (1) bảo quản trong chum kết hợp lá xoan và tro; (2) bảo quản trong bao lát; và (3) bảo quản trong bao ni lông. Trong đó, phương thức “Bảo quản trong bao ni lông” được người dân sử dụng phổ biến nhất tại địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên, huyện Vĩnh Linh, tỷ lệ bảo quản trong bao lát vẫn chiếm tỷ lệ cao 50% và Triệu Phong là 10%. Không có hộ sản xuất nào ở cả ba địa bàn điều tra sử dụng hình thức “Bảo quản trong chum kết hợp với tỏi”. Như vậy, Đakrông là huyện trồng đậu đen xanh lòng lớn nhất và cũng là nơi có phương thức bảo quản tốt hơn, có 90% hộ dân bảo quản trong bao ni lông và 10% bảo quản trong chum kết hợp lá xoan và tro. Với phương thức này, đậu đen xanh lòng sẽ kéo dài thời gian cất trữ trên một năm và chất lượng đậu vẫn đảm bảo.

Bảng 6. Hiện trạng sau thu hoạch đậu đen xanh lòng tại điểm nghiên cứu

Đơn vị tính: %

Hình thức	Huyện		
	Vĩnh Linh	Đakrông	Triệu Phong
1. Bảo quản			
1.1. Bảo quản trong chum kết hợp lá xoan và tro	0,0	10,0	0,0
1.2. Bảo quản trong chum kết hợp với tỏi	0,0	0,0	0,0
1.3. Bảo quản trong bao lát	50,0	0,0	10,0
1.4. Bảo quản trong bao ni lông	50,0	90,0	90,0
1.5. Hình thức khác	0,0	0,0	0,0
2. Chế biến			
2.1. Nấu xôi	38,4	31,6	42,1
2.2. Nấu chè	38,4	39,9	47,4
2.3. Rang nấu nước	1,2	24,5	10,5
2.4. Bột ngũ cốc	22,1	4,0	0,0
2.5. Hình thức khác	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Điều tra nông hộ, năm 2024

Đối với hoạt động chế biến, đậu đen xanh lòng được người dân chế biến các món truyền thống khá đa dạng như nấu xôi, nấu chè, nấu nước và làm bột ngũ cốc. Trong đó nấu xôi và nấu chè là phổ biến nhất và được nhiều người dân tại Quảng Trị sử dụng. Đối với nấu xôi, người dân tại 3 huyện Vĩnh Linh, Đakrông và Triệu Phong đều sử dụng, chiếm tỷ lệ tương ứng là 38,4%; 31,6% và 42,1%. Đối với hình thức nấu chè, tỷ lệ này tương ứng là 38,4%; 39,9% và 47,4%. Có 24,5% người dân huyện Đakrông dùng đậu đen để rang nấu nước, trong khi ở Triệu Phong 10,5%. Chế biến bột ngũ cốc chiếm tỷ lệ cao nhất ở Vĩnh Linh, 22,1%, trong khi đó ở Đakrông là 4,0% và Triệu Phong là không chế biến bột ngũ cốc.

Như vậy, chế biến đậu đen xanh lòng ở tỉnh Quảng Trị gồm 1) Nấu xôi và chè là phổ biến nhất (> 37%); 2) Rang để nấu nước, chiếm 24,5 % ở huyện Đakrông và 10,5% ở huyện Triệu Phong; 3) Chế biến bột ngũ cốc chiếm 22,1% ở huyện Vĩnh Linh. Các hình thức chế biến các sản phẩm khác như trà mầm đậu đen xanh lòng, bột dinh dưỡng mầm đậu đen xanh lòng, bánh đậu đen xanh lòng.... chưa có hộ dân cũng như HTX nào thực hiện.

Dữ liệu điều tra thực tiễn của đề tài cho thấy việc ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tìm kiếm thị trường đầu ra ổn định cho đậu đen lòng ở tỉnh Quảng Trị là rất cần thiết.

3.4 Thuận lợi và khó khăn trong sản xuất đậu đen xanh lòng tại tỉnh Quảng Trị

Thuận lợi

Quảng Trị là tỉnh đa dạng về đất đai, có độ bức xạ mặt trời rất lớn [9] và đây là những yếu tố quan trọng để tạo cho nông sản Quảng Trị có chất lượng vượt trội so với các sản phẩm cùng loại ở các địa phương khác.

Kết quả điều tra cho thấy, gần 80% dân số ở tỉnh Quảng Trị sống bằng nông nghiệp, tình xác định phải đi lên bằng nông nghiệp nhưng không phải là nông nghiệp truyền thống mà phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp bền vững [9], nông nghiệp công nghệ cao và coi nông nghiệp là bàn đạp cho các lĩnh vực kinh tế khác trong điều kiện chưa chuyển đổi một cách cơ bản cơ cấu kinh tế. Các xã điều tra đều có diện tích đất canh tác khá lớn, được phân bố tương đối thuận lợi, với diện tích đất đai phong phú về tiểu vùng khí hậu cho phép phát triển theo hướng đa dạng các sản phẩm nông nghiệp.

Cơ sở hành chính hoàn chỉnh, cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất như hệ thống kênh mương tưới tiêu, hệ thống đường giao thông đồng ruộng, cơ bản đảm bảo cho việc đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng.

Đảng, nhà nước và địa phương đối đã có chủ trương phát triển nông nghiệp rất phù hợp với thực tiễn sản xuất nên đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc đầu tư thâm canh tăng năng suất cây trồng nói chung và cây đậu đen xanh lòng nói riêng.

Người nông dân có kinh nghiệm sản xuất các loại cây trồng đặc biệt là cây đậu đen xanh lòng.

Khó khăn

Kết quả điều tra cho thấy cũng giống như các loại cây trồng khác, trong canh tác đậu đen xanh lòng người dân cũng đang gặp nhiều khó khăn. Số liệu ở Bảng 7 cho thấy, tại các địa bàn nghiên cứu, người sản xuất đều đang gặp phải các khó khăn trong sản xuất cung ứng và tiêu thụ đậu đen xanh lòng. Tại huyện Đakrong, các khó khăn chính sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp là: (1) Giá bán thay đổi thường xuyên (66,0%); (2) Sâu bệnh nhiều (60,2%); (3) Bị thương lái ép giá (53,4%); (4) Thiếu phương tiện cất giữ (15,5%); (5) Thiếu thông tin thị trường (13,6%); (6) Thiếu kỹ thuật trồng (9,7%). Trong đó, giá bán và sâu bệnh hại là những khó khăn lớn nhất, với tỷ lệ và tần suất xuất hiện cao nhất.

Bảng 7. Những khó khăn chính trong sản xuất và tiêu thụ đậu đen xanh lòng

Huyện	Loại khó khăn gặp phải	N	Tỷ lệ phần trăm (%)
Đakrông	Giá bán thay đổi thường xuyên	68	66,0
	Sâu bệnh nhiều	62	60,2
	Thiếu vật tư đầu vào	38	36,9
	Thiếu phương tiện cất giữ	16	15,5
	Thiếu kỹ thuật trồng	10	9,70
	Bị thương lái ép giá	55	53,4
	Thiếu thông tin thị trường	14	13,6
Triệu Phong	Giá bán thay đổi thường xuyên	5	55,6
	Sâu bệnh nhiều	6	66,7
	Bị thương lái ép giá	3	33,3
Vinh Linh	Giá bán thay đổi thường xuyên	32	97,0
	Sâu bệnh nhiều	18	54,5
	Thiếu kỹ thuật trồng	3	9,10
	Bị thương lái ép giá	27	81,8
	Thiếu thông tin thị trường	13	39,4

Ghi chú: N tần suất xuất hiện

Nguồn: Điều tra nông hộ, năm 2024

Tại huyện Triệu Phong, các khó khăn chính gồm (1) Sâu bệnh nhiều (66,7%); (2) Giá bán thay đổi thường xuyên (55,6%); và (3) Bị thương lái ép giá (33,3%).

Tại huyện Vĩnh Linh, các khó khăn lớn nhất là (1) Giá bán thay đổi thường xuyên, (97,0%); (2) Bị thương lái ép giá (81,8%); (3) Sâu bệnh nhiều (54,5%); và (4) Thiếu thông tin thị trường (39,4%).

Đánh giá chung: Các khó khăn trong sản xuất chủ yếu là yếu tố thị trường đầu ra và sâu bệnh hại. Thiếu kỹ thuật trồng chiếm tỷ lệ thấp, tuy nhiên trên thực tế cho thấy người dân chủ yếu trồng theo kinh nghiệm, chưa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong canh tác đậu đen xanh lòng. Để hạn chế sâu bệnh hại, nâng cao hiệu quả sản xuất, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm miền núi phía Bắc đã khuyến cáo nên thay đổi tập quán canh tác, trong đó giải pháp chuyển đổi trồng thuần đậu đen xanh lòng sang trồng xen với ngô và lạc là một trong những biện pháp có hiệu quả để giải quyết khó khăn về sâu bệnh hại, thiếu kỹ thuật và thậm chí là giá bán [10].

4 Kết luận

– Diện tích trồng đậu đen xanh lòng không đồng đều giữa các hộ và đạt từ mức thấp đến cao (0,09 - 0,34 ha/hộ). Năng suất đạt mức thấp đến trung bình (9,12 - 13,07 tạ/ha). Người dân sản xuất đậu đen xanh lòng cách đây hơn 16 năm.

– Thu nhập bình quân từ bán đậu đen xanh lòng đạt ở mức thấp (1,70 - 2,20 triệu đồng/năm/vụ). Canh tác đậu đen xanh lòng hoàn toàn theo phương pháp truyền thống, chưa có hướng dẫn kỹ thuật canh tác theo hướng hữu cơ và hữu cơ.

– Các kênh tiêu thụ đậu đen xanh lòng phổ biến là qua thương lái, chợ địa phương và HTX. Phương thức bảo quản phổ biến bằng bì nilông, chế biến chủ yếu là các món ăn truyền thống.

– Khó khăn chủ yếu trong sản xuất đậu đen xanh lòng là sâu bệnh hại, giá bán không ổn định và bị thương lái ép giá.

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Thị Sen, Nguyễn Thị Hoài, Nguyễn Ngọc Lâm (2023), *Ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ và mật độ trồng đến sinh trưởng và năng suất đậu đen (vigna cylindrica (L.) skeels) tại tỉnh Quảng Trị*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 1, 3357–3367.
2. Võ Văn Chi (1991), *Cây rau trái đậu dùng để ăn và trị bệnh*, Nxb. Khoa Học và Kinh Tế.
3. Luque-Rodriguez, J. M., Luque de Castro, M. D., and Pe´rez-Juan, P. (2007), *Dynamic superheated liquid extraction of anthocyanins and other phenolics from red grape skins of winemaking residues*, Bioresource Technology, 98(14), 2705–2713.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014), *Quyết định phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2014–2020*.
5. Ban Quản lý dự án xã Triệu Vân (2014), *Báo cáo tình hình hoạt động của dự án FLC 12- 01 giai đoạn II xã Triệu Vân, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị*.
6. Phòng Nông nghiệp huyện Triệu Phong (2023), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất Nông nghiệp của huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị*.
7. Phòng Nông nghiệp huyện Đakrông (2023), *Báo cáo tổng kết tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị*.
8. Lê Văn Gia Nhỏ (2012), *Marketing nông nghiệp*, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.
9. Trịnh Thị Sen (2023), *Báo cáo tổng kết đề tài ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình canh tác theo hướng hữu cơ và chế biến đậu đen xanh lòng nhằm nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa tại tỉnh Quảng Trị*.

10. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm miền núi phía Bắc (2015), *Các giải pháp canh tác ngô bền vững trên đất dốc vùng núi phía Bắc*.